

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 169/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 01-10-2021

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thúy Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh Hải

Bà Nguyễn Thị Vinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Trang –Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Ngày 01 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 145/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 9 năm 2021 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 266/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Vũ Văn Đ, sinh năm 1967; nơi cư trú: Thôn 2, xã Gia Đức, huyện Thủy Nguyên thành phố Hải Phòng; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Chị Bùi Thị T, sinh năm 1977; nơi ĐKKHKT: Thôn 2, xã Gia Đức, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; hiện ở tại: 12.102, Songjeong-ro 168beon-gil, Jangan-gu, Suwon-si, Gyeonggi-do, Hàn Quốc, vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các bản tự khai nguyên đơn anh Vũ Văn Đ trình bày:

Anh và chị Bùi Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Gia Đức, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng vào ngày 19 tháng 4 năm 2018. Sau khi kết hôn anh chị sống tại thôn 2, xã Gia Đức, huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, tính cách, lối sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Mâu thuẫn

đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Năm 2020 chị Tươi sang Hàn Quốc, từ đó đến nay vợ chồng không ai quan tâm đến ai, vợ chồng mỗi người một nơi không thể đoàn tụ. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên anh Đang đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn.

Về con chung và tài sản chung: Anh Vũ Văn Đ và chị Bùi Thị T không có con chung, và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong bản tự khai của bị đơn chị Bùi Thị T được hợp pháp hóa lãnh sự gửi cho Tòa án, chị Tươi trình bày:

Chị thống nhất về quá trình kết hôn cũng như mâu thuẫn vợ chồng giữa chị và anh Vũ Văn Đ. Nay, chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn.

Về con chung và tài sản chung: Anh Vũ Văn Đ và chị Bùi Thị T không có con chung, và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, xét thấy:

- Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án ly hôn. Bị đơn chị Bùi Thị T hiện đang sinh sống tại Hàn Quốc, nguyên đơn anh Vũ Văn Đ hiện đang sinh sống tại Hải Phòng, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn anh Vũ Văn Đ và bị đơn chị Bùi Thị T đều vắng mặt tại phiên tòa và có đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Văn Đ và chị Bùi Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Gia Đức, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng vào ngày 19 tháng 4 năm 2018. Theo quy định tại Điều 8; Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh Vũ Văn Đ và chị Bùi Thị T phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Hiện tại chị Tươi đang đi lao động tại Hàn Quốc. Nay, anh Đang nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn, chị Bùi Thị T cũng thống nhất với quan điểm của anh Đang. Xét thấy, vợ chồng anh Đang, chị Tươi mỗi người một nơi, vợ chồng không còn tình cảm, không quan tâm nhau về mọi mặt, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận đề nghị ly hôn của anh Vũ Văn Đ.

[4] Về con chung: Anh Vũ Văn Đ và chị Bùi Thị T không có con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Anh Vũ Văn Đ và chị Bùi Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Vũ Văn Đ là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 273, Điều 469, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Vũ Văn Đ:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Vũ Văn Đ và chị Bùi Thị T được ly hôn.
2. Về con chung: Anh Vũ Văn Đ và chị Bùi Thị T không có con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.
3. Về tài sản chung: Anh Vũ Văn Đ và chị Bùi Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.
4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Vũ Văn Đ phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai số 0018978 ngày 01 tháng 9 năm 2021 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Anh Vũ Văn Đ đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.
5. Về quyền kháng cáo:

Anh Vũ Văn Đ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Chị Bùi Thị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND xã Gia Đức, H. Thủy Nguyên;
- Đường sự;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Bùi Thị Thúy Hà